TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 251/2018/DS-PT
Ngày: 16/7/2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: + Ông Võ Trung Hiếu

+ Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2018/TLPT-DS ngày 23/01/2018 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 127/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐ-PT ngày 07/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1965, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Ngô Kim R, sinh năm 1969, (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Hòa Hảo, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn Ngô Kim R: Luật gia Nguyễn Văn G – Hội luật gia tỉnh Tiền Giang, (có mặt);

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Kim R.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

**Nguyên đơn - ông Trần Văn H trình bày*: Ông có cho vợ chồng bà Ngô Kim R, ông Nguyễn Văn H vay các khoản tiền và tham gia chơi hụi do bà R làm đầu thảo như sau:

- Ngày 22/9/2014 âm lịch, ông cho ông Nguyễn Văn H vay 137.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, khi nào cần tiền thì ông đòi lại. Ông H có ký biên nhận tiền vay ghi ngày 22/9/2014 âm lịch, mục đích vay tiền để sử dụng chung trong gia đình. Từ lúc vay tiền đến nay ông H không có trả tiền lãi và tiền gốc, ông có đòi nhiều lần nhưng ông H cố tình lẫn tránh và gây khó khăn.

- Ngày 03/11/2014 âm lịch, ông có cho bà R vay 95.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.500 đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn vay không có thỏa thuận, khi nào cần tiền thì ông đòi lại. Bà R có ký biên nhận tiền vay, mục đích vay tiền để sử dụng chung trong gia đình. Ngày 28/11/2014 bà R có trả được 72.000.000 đồng tiền gốc, nên còn thiếu lại 23.500.000 đồng. Đến ngày 25/12/2014 bà R có vay thêm 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất và phương thức trả như trên, nên bà R còn nợ ông 33.500.000 đồng. Từ lúc vay tiền đến nay bà R không có trả tiền lãi và tiền gốc, ông có đòi nhiều lần nhưng bà R cố tình lẫn tránh.

Ngoài ra, ông có tham gia 04 dây hụi do bà R làm đầu thảo như sau:

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15/3/2014 âm lịch, hụi có 13 phần, ông tham gia 02 phần. Dây hụi bị bể nên bà R thỏa thuận trả lại ông 10.725.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 30/12/2013 âm lịch, có 14 phần, ông tham gia 02 phần, ông đã hốt hụi, bà R còn thiếu lại ông 25.200.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 15/4/2014 âm lịch, có 13 phần, ông tham gia 03 phần; dây hụi bể nên bà R thỏa thuận trả lại ông 75.000.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 15/4/2014 âm lịch, có 13 phần, ông tham gia 03 phần, dây hụi bể nên bà R thỏa thuận trả lại ông 2.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi bà R thừa nhận còn nợ ông là 112.925.000 đồng nhưng hẹn nhiều lần không trả.

Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà R liên đới trả cho ông trả số tiền vay và tiền hụi còn nợ tổng cộng là 283.425.000.000 đồng. Yêu cầu trả tiền lãi của khoản vay 137.000.00 đồng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng quy định từ tháng 9/2014 cho đến ngày Tòa án xét xử, tính tiền lãi của khoản vay 33.500.000 đồng và tiền hụi 112.925.000 đồng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng quy định từ tháng 12/2015 cho đến ngày Tòa án xét xử.

**Bị đơn:*

- Bà Ngô Kim R trình bày: Bà có vay tiền của ông Trần Văn H nhiều lần nên không nhớ rõ. Đến tháng 11/2014 âm lịch, bà còn nợ ông H 232.500.000 đồng, bà có làm biên nhận ngày 03/11/2014 âm lịch, thỏa thuận lãi suất

13.5%/tháng; không hẹn thời hạn trả cụ thể. Ngày 28/11/2014 âm lịch, bà có trả 72.000.000 đồng tiền gốc cho khoản vay 232.500.000 đồng, nên còn nợ lại 160.500.000 đồng. Đến ngày 25/12/2014 âm lịch, bà có vay thêm 10.000.000 đồng, thỏa thuận như trên. Tổng cộng còn nợ ông H 170.500.000 đồng. Ông H tính lãi 13.5%/tháng từ tháng 11/2014 âm lịch đến tháng 02/2015 âm lịch là 82.000.000 đồng, thành số tiền 252.500.000 đồng.

Trước khi trả 72.000.000 đồng tiền gốc cho khoản vay 232.500.000, bà có nhờ chồng là ông Nguyễn Văn H ký nhận nợ 137.000.000 đồng vào sổ nợ của ông Trần Văn H ghi ngày 22/9/2014 âm lịch.

Ông Trần Văn H có tham gia 04 dây hụi do bà làm đầu thảo như ông H trình bày là đúng, các dây hụi này đều đã mãn hụi và bể hụi nên bà thỏa thuận còn nợ ông H 123.925.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ở ấp H, xã N, ông H tính tiền lãi của khoản vay 170.500.000 từ tháng 11/2014 âm lịch đến tháng 02/2015 âm lịch, đồng theo mức lãi 13.5%/tháng là 82.000.000 đồng, cộng với khoản nợ hụi 112.925.000 đồng. Thành tổng số tiền là 365.425.000 đồng, nhưng bà chỉ thừa nhận 347.300.000 đồng nên H cũng đồng ý.

Nay bà xác định các khoản nợ vay, nợ hụi là của nợ cá nhân, không đồng ý trả 82.000.000 đồng tiền lãi cho ông H. Chỉ đồng ý trả số tiền vay 170.000.000 đồng và không đồng ý trả 112.925.000 đồng nợ hụi vì số tiền này ông H có được là do lấy tiền lãi của khoản vay 170.000.000 đồng để góp hụi cho bà.

Ngoài ra, bà có trả được 39.900.000 đồng tiền vốn cho các khoản nợ nêu trên và ông H có lấy của bà 01 trái sầu riêng 2kg; 01 cái nón lá; 01 cái nồi nướng trị giá 2.115.000 đồng nên bà yêu cầu trừ số tiền này vào khoản nợ 170.000.000 đồng phải trả cho ông H.

- *Ông Nguyễn Văn H trình bày:* Chuyện làm ăn giữa ông Trần Văn H và vợ ông là bà R ông không biết rõ. Lúc vợ cH đang xây nhà thì ông H có đến gặp bà R sau đó bà R kêu ông ký vào giấy mượn tiền của ông H 5.000.000 đồng. Hơn 01 tháng sau thì bà R kêu ông ký mượn tiếp của ông H 20.000.000 đồng. Ông nghĩ là làm nhà thiếu tiền nên mượn đỡ nhưng sau đó phát hiện ra việc làm ăn bất chính giữa bà R và ông H nên đã đưa tiền cho bà R trả hết nợ cho ông H. Ông không còn liên quan gì đến số tiền đã vay của ông H.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 127/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

1. Buộc bà Ngô Kim R và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn H số tiền 283.425.000 đồng và 60.052.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 343.477.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C cho đến khi có Quyết định khác thay thế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày **10/11/2017**, bị đơn bà Ngô Kim R có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H về việc buộc bà phải trả cho ông H số tiền 343.477.000 đồng. Chấp nhận cho bà trả cho ông H số tiền vay là 127.985.000 đồng. Yêu cầu tính lại lãi suất 13,5 %/tháng mà bà đã đóng cho ông H từ ngày 23/12/2013 cho đến ngày 15/02/2015 âm lịch theo lãi suất ngân hàng để trừ vào số tiền hụi mà bà nợ ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Ngô Kim R giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà R có nhiều lập luận cho rằng 05 tờ giấy đã giám định đúng chữ ký và chữ viết của nguyên đơn do nguyên đơn cho vay lãi quá cao 13,5% nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, khấu trừ tiền lãi đã trả trong 05 tờ giấy, tổng cộng là 143.707.000 đồng vào tiền vốn 170.000.000 đồng, còn lại bao nhiêu bị đơn trả, không đồng ý trả 112.925.000 đồng tiền hụi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, ghi nhận việc nguyên đơn tự nguyện giảm 30.052.000 đồng cho bị đơn, đồng thời sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về nội dung vụ án:

Bà R kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C là không khách quan, không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà vì số tiền vốn mà bà vay của ông Trần Văn H tổng cộng là 170.000.000

đồng và bà đã đóng tiền lãi đầy đủ mỗi tháng 13,5%. Do lãi suất quá cao nên ngày 15/02/2015 âm lịch bà không còn khả năng đóng tiền lãi cho ông H nữa. Ông H đã lấy của bà một số tài sản tổng giá trị thành tiền là 42.015.000 đồng. Sau khi cấn trừ số tiền trên thì bà chỉ còn nợ ông H 127.985.000 đồng. Ngoài ra, bà không nhận được giấy triệu tập của Tòa án mà xét xử vắng mặt bà là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bà. Do đó, bà kháng cáo yêu cầu Tòa chấp nhận cho bà trả cho ông H số tiền vay là 127.985.000 đồng. Đồng thời, bà yêu cầu tính lại lãi suất 13,5 %/tháng mà bà đã đóng cho ông H từ ngày 23/12/2013 cho đến ngày 15/02/2015 âm lịch theo lãi suất ngân hàng để trừ vào số tiền mà bà nợ ông H.

Để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, bà R cung cấp các biên nhận và đoạn ghi âm mà bà cho rằng đây là chứng cứ chứng minh việc ông H lấy lãi cao vượt quá quy định.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà R, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa hôm nay, bà R khai có nợ ông Trần Văn H số tiền vay là 170.000.000 đồng (500.000 đồng ông H tự nguyện không yêu cầu), cấn trừ số tài sản mà ông H lấy tài sản của bà có giá trị là 42.015.000 đồng thì bà còn nợ lại ông H 127.985.000 đồng nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông H có lấy các tài sản như bà R trình bày, ông H cũng không thừa nhận. Mặc khác, tại các tờ giấy photo do bà R cung cấp (bút lục 29 – bút lục 36) không thể hiện được số tiền ông H cho bà vay cụ thể là bao nhiêu. Nhưng tại biên bản hòa giải của ấp H ngày 02/12/2015 (bút lục 02) và giấy hẹn trả tiền (bút lục 10) thì bà R thừa nhận có nợ ông H số tiền 347.300.000 đồng. Tại phiên tòa, ông H tự nguyện bỏ 82.000.000 đồng tiền lãi và yêu cầu bà R trả lại số tiền vay tổng cộng là 170.000.000 đồng là phù hợp pháp luật. Do đó, yêu cầu trả cho ông H số tiền 127.985.000 đồng của bà R không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lại lãi suất mà bà đã đóng cho ông H từ ngày 23/12/2013 cho đến ngày 15/02/2015 âm lịch theo mức lãi suất ngân hàng để trừ vào số tiền hụi mà bà R nợ ông H là không có cơ sở, bởi bà R cho rằng ông H cho bà vay tiền với lãi suất 13,5%/tháng và bà đã đóng đầy đủ tiền lãi cho đến ngày 15/02/2015 thì không còn khả năng đóng nữa. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà R cung cấp 05 tờ giấy ông H tính lãi có ký tên và ghi họ tên và bà yêu cầu ngừng phiên tòa để giám định chữ ký và chữ viết họ tên của ông Trần Văn H (Hải) (trong 05 tờ giấy bà R cho ký hiệu từ A – E). Kết quả giám định đúng chữ ký và chữ viết của ông H và ông H cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các tờ giấy bà R yêu cầu giám định có ký hiệu từ A – E là của ông.

- Tờ giấy có ký hiệu A: ghi 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 /10 ngày.

30 ngày x 350 = 3.500.000đ. Tính tới ngày 01/02/2014 âl.

- Tờ giấy có ký hiệu B: ghi ngày 01 - 18/4/2014 âl.

18 ngày x = 17469 – 2710 = 14.786 (không ghi đơn vị tính đồng hay ngàn).

- Tờ giấy ghi ký hiệu C: Ngày 19/4 – 11/5/2014 âl.

Là 22 ngày 16434 + 4786 = 21.220 (không ghi đơn vị tính đồng hay ngàn).

- Tờ giấy ghi ký hiệu D: Trong đó có cắt dán và ghi từ 11 – 26/5/2014 âl.

Là 17 ngày tổng cộng 31.562 – 4.200 = 27.126.000 (không ghi đơn vị tính đồng hay ngàn).

- Tờ giấy ghi ký hiệu đ: Ngày 3/12/2014 âl.

137 x 4,5 = 6165 x 18 = 11.097 + nợ cũ 14.416 = 25.513.

160.500 x 4,5 = 7.222 x 30 = 21.666 + 25.513 = 47.179 (không ghi đơn vị tính đồng hay ngàn).

- Tờ giấy ghi ký hiệu E: Ngày 3/12/2015 – 30/12/2015 âl.

170 x 4,5 = 7.650, 7650 x 4,5 = 229.500 (không ghi đơn vị tính đồng hay ngàn).

Trong các tờ giấy từ ký hiệu A – ký hiệu D ghi ngày, tháng, năm trước ngày ghi biên nhận mượn tiền (là ngày 03/11/2014 âl), về thời gian không liên tục và không ghi đơn vị tính đồng hay ngàn sau những con số đã ghi (trừ tờ giấy có ký hiệu A) và trong các tờ giấy nêu trên có gạch chéo rất nhiều đoạn, nên Hội đồng xét xử không xem xét các giấy tờ có ký hiệu từ A – D là chứng cứ.

Riêng 02 tờ giấy có ký hiệu đ – E ghi ngày sau viết biên nhận mượn tiền (ngày 03/11/2014 âl), về thời gian không liên tục và cũng không ghi đơn vị tính đồng hay ngàn, nên Hội đồng xét xử không xem 02 tờ giấy có ký hiệu đ và E là chứng cứ để xem xét.

Ngoài việc cung cấp 05 tờ giấy giám định, bà R còn cung cấp đoạn băng ghi âm ghi lại cuộc nói chuyện mà bà R cho là giọng nói của ông H cho bà vay tiền với lãi suất 13,5%/tháng nhưng không có đĩa để so sánh nên bà R tự nguyện rút yêu cầu giám định đoạn băng ghi âm. Như vậy, đoạn băng ghi âm mà bà R cung cấp không có cơ sở chứng minh việc ông H cho bà R vay tiền với lãi cao vượt quá quy định. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất của bà R.

Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay bà R cũng thừa nhận có nợ ông H tổng số tiền hụi là 112.925.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H cũng không kháng cáo việc ký nhận nợ thay cho bà R số tiền 137.000.000 đồng trong tổng số tiền mà bà R còn nợ là 170.500.000 đồng. Từ đó, cho thấy việc bà R, ông Nguyễn Văn H nợ ông Trần Văn H tổng số tiền 283.525.000 đồng từ ngày 25/12/2014 âl đến nay không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Trần Văn H. Tòa sơ thẩm tuyên buộc bà R và ông Nguyễn Văn H liên đới trả cho ông Trần Văn H số tiền vay 170.500.000 đồng, tiền nợ hụi 112.925.000 đồng và tính

tiền lãi với số tiền 60.052.000 đồng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện bỏ 500.000 đồng trong số tiền 170.500.000 đồng, như vậy còn 170.000.000 đồng. Do vậy, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại phần tiền này và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông H tự nguyện giảm cho bà R 30.052.000 đồng phần tiền lãi. Như vậy tổng cộng số tiền vợ chồng bà R và ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Trần Văn H là 312.925.000 đồng (Trong đó 170.000.000 đồng tiền vay, 112.925.000 đồng tiền hụi và 30.000.000 đồng tiền lãi).

Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà R; Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà R trái với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Về án phí: Bà Ngô Kim R phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 305, Điều 298, 471, 474, 476, 479 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Kim R.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 127/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

Buộc bà Ngô Kim R và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn H số tiền 282.925.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 312.925.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trần Văn H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Ngô Kim R và ông Nguyễn Văn H chậm thi hành án đối với số tiền thì còn phải chịu thêm

tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi án.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C cho đến khi có Quyết định khác thay thế.

2/ Về án phí:

Bà Ngô Kim R và ông Nguyễn Văn H phải chịu 15.646.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Ngô Kim R đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 14968 ngày 10/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp 15.646.000 đồng.

Hoàn lại ông Trần Văn H 8.682.500 đồng (tám triệu, sáu trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 13269 ngày 24/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 16/7/2018, có mặt ông Trần Văn H, bà Ngô Kim R, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bà R; Vắng mặt ông Nguyễn Văn H.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan